

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 414/2023/HS-ST

Ngày: 21-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 404/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Tạ Anh T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1999 tại B P; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: ..., khu phố N T, phường B T, TP. D A, tỉnh B D; nơi cư trú hiện nay: ..., khu phố 1, phường A B, TP. B H, tỉnh Đ N; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Tạ Đình Ch, sinh năm 1955 (đã mất) và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966; gia đình có 04 chị em (bị cáo là con út) và chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. *(có mặt)*

- Bị hại: Bà Nguyễn Vũ Hoàng Y, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ..., khu phố 4, phường Q T, thành phố B H, tỉnh Đ N. *(vắng mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1947. *(vắng mặt)*

2. Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1978. (vắng mặt)

3. Bà Trần Thị Út H, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ..., khu phố 4, phường Q T, thành phố B H, tỉnh Đ N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Thị Út H (sinh năm 1982) và chị Nguyễn Vũ Hoàng Y (sinh năm 1981), cùng ngụ tại số ..., khu phố 4, phường Q T, thành phố B H, tỉnh Đ N, có mối quan hệ là bạn bè với nhau. Vào ngày 15 tháng 3 năm 2019, khi chị H và chị Y đang ở nhà tại địa chỉ nêu trên thì có Tạ Anh T (là em họ của chị Y) đến chơi và ăn nhậu cùng nhau. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T nói đi về nhưng T không có xe nên chị Y mượn chiếc xe mô tô hiệu Airbalade màu đỏ-đen-trắng biển số 60B4-222.12 của chị H để chở T về thì được chị H đồng ý. Sau đó, chị Y điều khiển chiếc xe trên chở T về nhà trọ của người tên Thùy (không rõ nhân thân, do Tuấn mới quen) tại khu vực khách sạn Hoàng Vân thuộc phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa rồi ở lại chơi được khoảng 01 tiếng thì T hỏi mượn chị Y chiếc xe trên để chở Thùy đi chơi và được chị Y đồng ý. Sau khi mượn được xe, T chở Thùy đi chơi game bắn cá hết tiền nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. Thực hiện ý định trên, T chở theo Thùy mang chiếc xe trên đi cầm đồ cho người phụ nữ (không rõ nhân thân) tại khu vực ngã tư Vũng Tàu được số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) rồi sử dụng để chơi game bắn cá hết. Đến khoảng 01 giờ ngày 16 tháng 3 năm 2019, T quay về phòng trọ, lúc này chị Y hỏi thì T nói cho chị Y biết sự việc T đã cầm xe nêu trên. Sau đó, T bỏ đi khỏi địa phương nên ngày 02 tháng 4 năm 2019, chị H đã làm đơn tố cáo T đến Công an phường Quyết Thắng, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô hiệu Airbalade màu đỏ-đen-trắng biển số 60B4-222.12 bị chiếm đoạt, là xe do chị Trần Thị Ngọc Th (sinh năm 1978, ngụ tại số ..., khu phố 4, phường Q Th, thành phố B H, tỉnh Đ N) đứng tên đăng ký chủ sở hữu, giao cho bà Phan Thị D (sinh năm 1947, cùng ngụ tại địa chỉ trên) là mẹ của chị Th sử dụng chung trong gia đình. Ngày 15 tháng 3 năm 2019, chị H (là con của bà D) đã cho chị Y mượn chiếc xe trên và bị T chiếm đoạt nêu trên. Sau khi chiếm đoạt xe, T đã cầm cho đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 175/TCKH-HĐĐG ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận:

“01 chiếc xe mô tô hiệu Airbalade màu đỏ-đen-trắng biển số 60B4-222.12, trị giá 32.072.000 đồng (Ba mươi hai triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn đồng)”.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là chị Nguyễn Vũ Hoàng Y yêu cầu bị cáo T giải quyết bồi thường trực tiếp với chị Trần Thị Út H theo yêu cầu. Ngày 22/6/2023, bà Nguyễn Thị Thu H (là mẹ của bị cáo T) đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho chị H theo yêu cầu. Chị Y và chị H, không có yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị D và chị Trần Thị Ngọc Th, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại cáo trạng số 410/CT-VKSQBH ngày 14 tháng 7 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Tạ Anh T, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Tạ Anh T mức án tù 16 (mười sáu) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 32 (ba mươi hai) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với đối tượng tên Thùy (không rõ họ và địa chỉ) là người đi cùng bị cáo T để cầm xe và cùng với T sử dụng số tiền có được từ việc cầm xe. Tuy nhiên, do chưa xác minh và làm việc được nên chưa đủ chứng cứ để kết luận hành vi liên quan. Đồng thời, đối với đối tượng đã cầm chiếc xe trên chưa xác định và làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh các trường hợp này để làm rõ và xử lý sau.

+ *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình Điều tra đã giải quyết xong. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, không đặt ra xem xét giải quyết.

+ *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong phần phát biểu lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Quá trình Điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về tái hòa nhập với cộng đồng, làm lại cuộc đời, khắc phục lỗi lầm của bản thân trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của những người này. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm và Điều luật truy tố:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Tạ Anh T khai nhận: Vào ngày 15 tháng 3 năm 2019, sau khi mượn được chiếc xe mô tô hiệu Airbalade màu đỏ-đen-trắng biển số 60B4-222.12 trị giá 32.072.000 đồng (*do chị Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1978; trú tại số ..., khu phố 4, phường Q T, thành phố B H, tỉnh Đ N đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Chị Th giao cho bà Phan Thị D, sinh năm 1947 là mẹ đẻ sử dụng chung trong gia đình. Ngày 15/3/2019 thì chị Trần Thị Út H là con của bà D đã lấy cho chị Nguyễn Vũ Hoàng Y mượn để chở T về phòng trọ tại khu vực khách sạn Hoàng Vân thuộc phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*). Do hết tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nói trên, mang đi cầm đồ cho người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực ngã tư Vũng Tàu được số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) rồi sử dụng để chơi game bắn cá hết.

[2.2] Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Tạ Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy: Bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt (*chưa có tiền án, tiền sự*), **thuộc thành phần gia đình lao động**, có trình độ học vấn thấp (*lớp 4/12*) nên nhận thức pháp luật còn hạn chế và được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Út H (*đại diện chủ sở hữu chiếc xe bị chiếm đoạt*) làm đơn bãi nại và giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo không có tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên. **Trong vụ án này bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2023 cho đến nay.** Do vậy, không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. **Áp dụng khoản 4, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam, giữ về một tội phạm khác.**

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy

nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình Điều tra đã giải quyết xong. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên Thùy (*không rõ họ và địa chỉ*) là người đi cùng bị cáo T để cầm xe và cùng với T sử dụng số tiền có được từ việc cầm xe. Tuy nhiên, do chưa xác minh và làm việc được nên chưa đủ chứng cứ để kết luận hành vi liên quan. Đồng thời, đối với đối tượng đã cầm chiếc xe trên chưa xác định và làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh các trường hợp này để làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[7] Về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa: Xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Tạ Anh T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

Xử phạt: Bị cáo **Tạ Anh T** 16 (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/8/2023).

Giao bị cáo **Tạ Anh T** cho Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 4, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam, giữ về một tội phạm khác.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Tạ Anh T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- Thi hành án (8);
- Công an TP. Biên Hòa (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu VP-HS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Mạnh

